

Bản án số: 15/2020/DS - ST  
Ngày: 16 - 9 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Nhân

2. Ông Lương Thanh Văn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị G – Sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***-Bị đơn:*** Chị Lê Thị A – Sinh năm 1974 (Xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Khu 1, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn V, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm 1969 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Dương Ngô T – Sinh năm 1987 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày:*

Bà và chị Lê Thị A có mối quan hệ quen biết với nhau từ lâu do trước đây bố mẹ chị A có ở cùng thôn X, xã Tự Lạn với bà nhưng hiện nay thì đã vào Miền Nam

sinh sống. Do có mối quan hệ quen biết đó nên bà đã cho chị A vay tiền. Cụ thể, giữa bà và chị A đã nhiều lần cho nhau vay tiền nhưng đến ngày 25/9/2019 thì giữa bà và chị A đã chốt với nhau số tiền chị A còn nợ bà là 190.000.000 đồng tiền gốc. Chị A đã viết giấy biên nhận vay tiền cho bà, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về thời hạn trả nợ, về lãi suất nhưng giữa 2 bên có thỏa thuận miệng về lãi suất là 2%/01 tháng. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay thì chị A chưa thanh toán được cho bà số tiền gốc là 190.000.000 đồng và số tiền lãi nào. Đến nay, bà yêu cầu chị A thanh toán trả bà số tiền gốc là 190.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định kể từ thời điểm ngày 25/9/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Bà xác định khi bà cho vay tiền thì anh Hòa (chồng cũ) của chị A không biết, không ký giấy vay tiền nên bà chỉ yêu cầu một mình chị A có trách nhiệm thanh toán trả bà số tiền trên. Số tiền trên là của mình bà, không liên quan gì đến chồng bà là ông Lê Văn B vì bà và ông Lê Văn B ly hôn từ năm 1990 đến nay.

*Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Lê Thị A trình bày:* Chị xác định về thời điểm vay, số tiền chị vay bà G 190.000.000 đồng là đúng. Chị chưa thanh toán trả bà G được số tiền gốc và số tiền lãi nào kể từ khi vay cho đến nay. Nay bà G yêu cầu chị thanh toán trả bà G số tiền gốc 190.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định chị hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên chị xin được trả dần. Chị xác định việc chị vay tiền bà G thì chồng cũ chị là anh Nguyễn Văn H không biết, không ký giấy vay, chị cũng không dùng tiền vào việc phát triển kinh tế gia đình. Còn chồng hiện tại của chị là anh Dương Ngô T không biết gì về việc vay nợ này. Do điều kiện con nhỏ, công việc bận nên chị xin được vắng mặt trong các buổi xét xử tại Tòa án.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn H trình bày: Trước đây, anh và chị Lê Thị A có mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên đã ly hôn khoảng tháng 7 năm 2019 nên hiện nay không còn quan hệ gì hết. Còn đối với bà Phạm Thị G thì anh không có mối quan hệ quan biết gì. Việc bà G cho chị A vay tiền như thế nào anh không biết vì theo giấy vay tiền bà G cung cấp cho Tòa án là vay vào tháng 9/2019, khi đó anh với chị A đã ly hôn, do vậy anh không vay mượn gì bà G và không biết bà G cho chị A vay tiền thế nào. Anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng. Trường hợp, Tòa án đưa anh vào tham gia tố tụng thì anh xin vắng mặt và không tham gia vào quá trình hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như xét xử tại Tòa án.

- Anh Dương Ngô T trình bày: Anh và chị Lê Thị A kết hôn với nhau cuối năm 2019. Anh không biết bà G là ai và cũng không biết chị A vay tiền bà G khi nào, vay để làm gì vì chị A không nói cho anh biết, cũng không mang tiền về để phát triển kinh tế gia đình nên anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Trường hợp Tòa án có đưa anh vào tham gia tố tụng thì anh đề nghị vắng mặt

trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể bà yêu cầu chị A phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 190.000.000 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước kể từ thời điểm vay ngày 25/9/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Về lãi suất chậm thi hành án bà không yêu cầu chị A phải thanh toán.

Chị A và những người liên quan vắng mặt được công bố lời khai. Bà G không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 149; điều 227; điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 464; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

+ Buộc chị Lê Thị Acó trách nhiệm thanh toán trả bà Phạm Thị G số tiền gốc là 190.000.000 đồng và số tiền lãi là 16.720.000 đồng. Tổng số tiền chị A phải thanh toán trả bà G là 206.720.000 đồng.

Án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 10.336.000 đồng án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ bà Phạm Thị G đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình pháp bị xâm phạm. Bà G cho chị A vay tiền ngày 25/9/2019, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Ngày 09/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà G. Như vậy, thời hiệu khởi kiện là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Bà G khởi kiện yêu cầu chị A phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 190.000.000 đồng, và lãi suất theo mức cơ bản

của Ngân hàng nhà nước nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà chị Lê Thị Acó HKTT tại Khu 1, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên và địa chỉ nơi ở tại thôn Vân Cốc 2, xã Vân Trung, huyện Việt Yên nên theo quy định tại khoản 2 điều 26, điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ với bị đơn chị Lê Thị A và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng chị A và anh Tân, anh Hòa đều xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị A, anh Tân, anh Hòa là có căn cứ.

[4] Về pháp luật áp dụng và nội dung tranh chấp:

[4.1] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Gyêu cầu chị Lê Thị Athanh toán trả bà số tiền gốc 190.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước theo giấy vay tiền ngày 25/9/2019. Do thời điểm xác lập hợp đồng năm 2019, vì vậy luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án này là Bộ luật dân sự 2015.

[4.2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Phạm Thị G xác định ngày 25/9/2019 dương lịch, bà có cho chị A vay số tiền 190.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận, không hẹn thời hạn trả nợ, không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Chị A xác nhận chị có nợ bà G số tiền gốc và lãi như bà G khởi kiện, Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện hoàn cảnh của chị khó khăn nên chưa thu xếp trả bà G được một lúc mà xin được trả dần, bà G không đồng ý. Bà G cũng đã cung cấp được bản gốc giấy biên nhận vay tiền đề ngày 25/9/2019. Việc chị A xác nhận còn nợ bà G số tiền gốc 190.000.000 đồng và lãi đã chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán: Bà G yêu cầu chị A thanh toán trả bà số tiền gốc 190.000.000 đồng và lãi, không yêu cầu anh Hòa, anh Tân có nghĩa vụ liên đới trả cùng chị A. Do đó, cần buộc chị Lê Thị A phải thanh toán trả bà Phạm Thị G số tiền 190.000.000 đồng và lãi.

[6] Về tiền lãi và lãi chậm trả: Bà G yêu cầu chị A thanh toán trả bà số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước, chị A nhất trí nên yêu cầu tính lãi của bà G là có căn cứ chấp nhận. Do các bên thỏa thuận áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước do vậy HĐXX áp dụng Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là Quyết định về lãi suất bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng nhà nước có hiệu lực tại thời điểm xét xử để làm căn cứ tính lãi suất.

Do vậy, số tiền lãi vay trong hạn theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất Việt Nam đồng là 0,9%/năm tức 0,75%/tháng. Bà G yêu cầu chị A thanh toán cho bà số tiền lãi kể từ thời điểm ngày 25/9/2019 theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tới thời điểm xét xử nên cụ thể lãi suất bà A yêu cầu chị A phải thanh toán trả bà được tính như sau:

Từ ngày 25/9/2019 đến ngày 25/8/2020 là 190.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 11 tháng = 15.675.000 đồng.

Từ ngày 26/8/2020 đến ngày 16/9/2020 là 190.000.000 đồng x 0,025%/ ngày x 22 ngày = 1.045.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi chị A phải thanh toán trả bà G là 206.720.000 đồng.

Đối với tiền lãi chậm trả bà G không yêu cầu nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí DSST theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 149; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 464; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

+ Buộc chị Lê Thị Acó trách nhiệm thanh toán trả bà Phạm Thị G số tiền gốc là 190.000.000 đồng và số tiền lãi là 16.720.000 đồng. Tổng số tiền chị A phải thanh toán trả bà G là 206.720.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)

Án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 10.336.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Bắc G;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Thanh Quyên**

